

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 51/2018/HS-PT
Ngày: 20 – 6 – 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Phạm Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2018/TLPT-HS, ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN MINH T - sinh năm: 1978; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Số 466A/14, khu vực 7, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị M; có vợ Đặng Thị Ngọc D; có 02 người con (Lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền sự: Không; có 05 tiền án: 1/ Ngày 02/3/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ) xử phạt 09 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo bản án số 42/HSST; 2/ Ngày 15/6/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ) xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 45/HSPT; 3/ Ngày 29/8/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ) xử phạt 06 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo bản án số 207/HSST; 4/ Ngày 16/7/2009 bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 29/2009/HSST; 5/ Ngày 30/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giữ

ngày 30/9/2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo được Tòa án triệu tập:

- Bị hại:

1. Lê Ngọc H1, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 05, xã VTĐ, huyện LM, tỉnh HG

2. Trần Thị H, sinh năm: 1950 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu vực BTB, phường BT, thị xã LM, tỉnh HG

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn V, sinh năm: 1978 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu vực BTB, phường BT, thị xã LM, tỉnh HG

2. Nguyễn Hiền H2, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu vực BTB, phường BT, thị xã LM, tỉnh HG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 30/9/2017, Nguyễn Minh T, điện thoại cho Nguyễn Văn S rủ đi kiếm tiền, S hiểu ý T là đi giật tài sản của người khác nên đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 65B1-887.10 đến rước S rồi điều khiển xe mô tô chở S đi từ thành phố Cần Thơ về thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Khi đi gần đến ngã ba Vĩnh Tường, T giao xe cho S điều khiển còn T ngồi phía sau. S điều khiển xe mô tô chở T đến cầu Nước Đục rồi rẽ phải vào đường lộ bê tông thuộc Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. S điều khiển xe vào khoảng 300 mét thấy đường vắng nên quay xe trở lại, T và S nhìn thấy chị Lê Ngọc H1 chạy xe đạp nên T xuống xe đứng bên đường. Khi chị Lê Ngọc H1 chạy xe đạp ngang qua, T dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng của chị H1 đang đeo trên cổ, rồi lên xe mô tô cho S điều khiển chạy đi về hướng cầu Nước Đục.

Đi một đoạn T và S thấy bà Trần Thị H đứng cặp mé lộ có đeo dây chuyền vàng trên cổ. Lúc này, S dừng xe lại cách chỗ bà H đang đứng khoảng 2m, xe vẫn còn nổ máy, T xuống xe đi đến chỗ bà H dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền vàng của bà H cầm trên tay còn mặt dây chuyền rơi tại chỗ, T lên xe ngồi cho Nguyễn Văn S chạy đi thì bị người dân bắt giữ.

Tại Kết luận định giá ngày 09/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang kết luận:

- (01) Một sợi dây chuyền vàng loại 17k, trọng lượng 05 chỉ, đặc điểm kiểu khoen đơn, vòng tại vị trí móc khóa bị gãy. Định giá: 12.500.000 đồng.

- (01) Một sợi dây chuyền vàng loại 15k, trọng lượng 01 chỉ 02 ly, đặc điểm kiểu khoen đôi, vòng khoen đôi tại vị trí móc khóa bị gãy. Định giá: 2.400.000 đồng.

- (01) Một mặt dây chuyền vàng loại 14, 18k, trọng lượng 06 phân 06 ly, trọng lượng đá cẩm thạch là 07 phân. Định giá: 1.254.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản cướp giật được là 16.154.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 136, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 41 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm “Tội cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2018, bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo cho rằng bị cáo không có tội và yêu cầu cấp phúc thẩm minh oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa trình bày về các tình tiết, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, việc điều tra, truy tố, xét xử bị cáo của cấp sơ thẩm là phù hợp, đúng pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo T trình bày lý do bị cáo khai nhận tội từ khi bị bắt là do thấy S bị thương tích nhiều, S kêu bị cáo nhận tội thay để cho S về điều trị vết thương, nên bị cáo đã nhận tội thay cho S, nghĩ rằng 15-20 ngày sau khi S trị bệnh xong sẽ thay

đổi lại lời khai là chính S giật dây chuyền của bị hại, nhưng do S chết nên bị cáo thay đổi lời khai cho đúng sự thật. Đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo, bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội, chứng cứ Viện kiểm sát đưa ra là vô lý, không có hình ảnh, video chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/3/2018 bị cáo Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo, xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Minh T không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng Nguyễn Văn S là người đã giật tài sản của các bị hại và khi bị người dân vây bắt thì S mới kêu bị cáo nhận thay cho S để S ở ngoài điều trị vết thương khi nào điều trị xong sẽ vào nhận tội để bị cáo được ra ngoài. Xét lý do kháng cáo của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30/9/2017 (Bút lục 03-04) bị cáo T khai “...S điều khiển xe chở tôi phía sau....thì thấy một người phụ nữ khoảng 30 tuổi chạy xe đạp đi ngược chiều với tôi, trên cổ có đeo một dây chuyền vàng, lúc này tôi kêu S quay đầu xe lại chạy cặp bên trái của người phụ nữ tôi dùng tay phải giật sợi dây chuyền và cầm giữ trên tay phải. S điều khiển xe chạy ra hướng cầu Nước Đục.....thì phát hiện người phụ nữ khoảng 70 tuổi đang đứng cặp lề lộ bên trái so với hướng xe của tôi. Trên cổ người phụ nữ này đeo một sợi dây chuyền vàng, tôi kêu dừng xe lại cách người phụ nữ khoảng 02 mét, tôi bước xuống xe dùng tay phải giật sợi dây chuyền và cầm giữ trên tay”. Lời khai này phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn S, bị hại Trần Thị H, bị hại Lê Ngọc H1 và người làm chứng Nguyễn Văn V, Nguyễn Hiền H2 xác định người trực tiếp giật dây chuyền là bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn S là người điều khiển xe chở bị cáo T; phù hợp với lời khai của bị cáo T, Nguyễn Văn S trong quá trình điều tra (Bút lục 60-61, 62, 76-77, 101-102, 103, 134-135, 136; 58-59, 83-84, 87-88, 104-105, 130-131). Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo T khai nhận bị cáo mặc áo thun màu vàng, quần jean màu đen (Bút lục số 101-102, 144-145, 164-165, 167-168, 284), lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của các bị hại Trần Thị H, Lê Ngọc H1, các người làm chứng Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Hiền Hơn (Tại các bút lục số 26-27, 46-49, 147-148, 154-155, 156) xác định người giật dây chuyền là người nam mặc áo thun màu vàng, quần jean đen trực tiếp giật dây chuyền, người nam mặc áo thun màu đỏ, quần sọt ngắn ngồi trên xe đò sẵn, phù hợp với biên bản nhận dạng bị cáo Nguyễn Minh T (Bút lục 178-183) của bị hại và người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận chính bị cáo T là

người trực tiếp thực hiện hành vi giật dây chuyền vàng của bị hại Trần Thị H và bị hại Trần Ngọc H1 vào ngày 30/9/2017, tại khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang sau khi giữa bị cáo T và Nguyễn Văn S thống nhất với nhau đi tìm tài sản để chiếm đoạt.

[3] Giữa bị cáo T và Nguyễn Văn S đã thống nhất với nhau từ trước đi tìm tài sản để chiếm đoạt bất hợp pháp, khi phát hiện các bị hại có đeo dây chuyền vàng trên cổ, bị cáo T đã dùng tay giật dây chuyền của bị hại, sau đó nhanh chóng lên xe mô tô do Nguyễn Văn S điều khiển tẩu thoát. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo T đã từng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo T cũng thuộc trường hợp định khung tăng nặng hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp giạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ nào có căn cứ để xem xét, các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án hoàn toàn đủ cơ sở kết luận bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử; sau khi xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là nhẹ. Tuy nhiên, vụ án này không bị kháng cáo, kháng nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Cướp giạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 136, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 41 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, Điều 135,

Điều 136, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lê Ngọc H1 và Trần Thị H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Về vật chứng vụ án:

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (Một) cái nón bằng nhựa, màu đỏ đen, phía trước có kính màu trắng, trước nón có dòng chữ GRS, của Nguyễn Minh T.

- 01 (Một) cái nón bằng nhựa, màu đen, kiểu nón kết, phía trước có dòng chữ DEMEN, của Nguyễn Văn S.

* Tịch thu sung quỹ nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (Một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 047440, biển kiểm soát 65B1-887.10, mang tên Nguyễn Minh T.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại máy J730G, số Imel 1: 356446/08/325641/7, số Imel 2: 356447/08/325641/5, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, màu xanh đen, số Imel: 357902/05/056712/8, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng SIRIUS, màu đen trắng, số máy, 5C6K352857, số khung: C6K0GY352853, biển kiểm soát 65B1- 887.10, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

* Trả lại cho bị cáo các vật chứng sau:

- 01 (Một) bóp da màu nâu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) thẻ căn cước công dân, số 093078000092, họ và tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/11/1978.

- 01 (Một) giấy phép lái xe mô tô hạng A1, số 920165949852, tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/11/1978.

- Tiền Việt nam: 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1b);
- Công an xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Công an TX. Long Mỹ (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (3b);
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang (1b);
- PV27 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b);
- PC81 – Công an tỉnh Hậu Giang (1b)
- VKSND TX. Long Mỹ (1b);
- Chi cục THADS TX. Long Mỹ (1b);
- TAND TX. Long Mỹ (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b);
- Lưu THS (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh